TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày: 10/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hùng – Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Nhị Hà, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Bùi Thị Thanh Yên – Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Đại Phát - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Thông báo dời thời gian xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. PHAN NGỌC H (Quậy), sinh năm: 2001 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã A, huyện P, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: Không biết chữ; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Tr và bà Nguyễn Thị Thu H; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17/11/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

2. ĐẶNG THÀNH TR, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2006 (Đến ngày phạm tội thì bị cáo 16 tuổi 11 tháng 14 ngày) tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Đặng Hữu T và bà Nguyễn Thị Th (Chết); chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17/11/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

3. NGUYỄN VĂN NGH, sinh năm: 2004 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (Chết) và bà Lưu Thị Tám Mươi S; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17/11/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

4. CAO NGỌC Đ, sinh năm: 2003 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: Không biết chữ; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn O và bà Lê Thị Đ; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17/11/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Thành Tr: Anh Đặng Hữu T, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thành Tr: Ông Lê Xuân L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Ngh: Ông Nguyễn Xuân T –Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Cao Ngọc Đ: Bà Hoàng Thị Thanh Th – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Bị hại: Chị Trần Thị Kim A, sinh năm: 2003; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1982; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện P, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

2. Anh Cao Văn O, sinh năm: 1972; nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

3. Chị Lưu Thị Tám Mươi S, sinh năm: 1986; nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

4. Anh Đặng Hữu T, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Bị đơn dân sự:

1. Anh Đỗ Th, sinh năm: 1976; nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Bé, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Người làm chứng:

1. Cháu Đỗ B, sinh ngày 26/12/2008; nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Đỗ B: Chị Nguyễn Thị Bé, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn L, xã D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt)

2. Cháu Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 2002; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

3. Cháu Trần Hiếu Ph, sinh năm: 2005; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Ngọc H, Cao Ngọc Đ, Nguyễn Văn Ngh, Đặng Thành Tr, sinh ngày 23/10/2006 và anh Đỗ B, sinh ngày 15/12/2008 có quan hệ bạn bè với nhau.

Tối ngày 07/10/2023, Phan Ngọc H điều khiển xe Winner X không gắn biển kiểm soát chở Đặng Thành Tr đến nhà chị Trần Hiếu Ph ở thôn L, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận để giải quyết mâu thuẫn yêu đương nam nữ giữa H và Ph. Khi đến nhà chị Ph, H chửi bới và dùng đá ném vào nhà chị Ph. Lúc này, anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 2002, là hàng xóm với nhà chị Ph ra can ngăn, thấy H là người quen nên Ph dùng tay đánh vào đầu H. Do bực tức nên H nói với Ph "Mày đánh tao phải không. Mày đợi đó, tao sẽ cho nhà mày sáng nhất đêm nay". Sau đó, H chở Tr đi về. Trên đường về, H nảy sinh ý định dùng bom xăng để đánh anh Ph nên rủ Tr ghé tiệm tạp hóa mua 0,5 lít xăng mang về nhà H rồi H rủ thêm Cao Ngọc Đ, Nguyễn Văn Ngh, Đỗ B (Bom) cùng đến nhà H để bàn bạc việc đánh Ph, cả nhóm đồng ý. Ngh về nhà lấy 01 cây dao tự chế, 01 roi điện làm hung khí, Tr lấy xăng đổ vào chai bia Miền Trung (chai thủy tinh), dùng vải nhét nút chai để tạo bom xăng. Sau đó, Đ điều khiển xe hiệu Vario biển kiểm soát 85E1-261.19 chở Ngh cầm theo roi điện, dao tự chế, H điều khiển xe WinnerX chở B và Tr (Tr cầm bom xăng) cùng nhau quay lại nhà Ph. Khoảng 23 giờ cùng ngày, nhóm của H đến trước nhà anh Ph ở thôn L, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, H thấy Ph và bạn tên Trần Văn Thanh Đ, H gọi Ph ra nói chuyện. Anh Trần Văn Thanh Đ và chị Trần Thị Kim A, sinh năm 2003 (vợ Ph) sợ Ph bị đánh nên đi cùng để can ngăn. Khi Ph nói chuyện với H thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, Ngh sử dụng roi điện đe doạ, Đặng Thành Tr cầm chai bom xăng và dùng bật lửa đốt và ném trúng người chị Trần Thị Kim A. Hậu quả: Chị A bị thương do bỏng, được đưa đi cấp cứu, điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận.

Kết luận giám định số 249, ngày 06/11/2023 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Ninh Thuận kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Trần Thị Kim A như sau: *"Căn cứ Thông tư số 22, ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tỷ lệ phần trăm thương tật đối với từng vết thương gây nên tại thời điểm giám định của Trần Thị Kim A là: Sẹo bỏng da nền đỏ mặt trong và mặt sau vùng đùi phải diện tích 06% diện tích cơ thể (06%); Sẹo bỏng da nền đỏ mặt trước, mặt sau trong, mặt ngoài vùng cẳng chân phải diện tích 07% diện tích cơ thể (07%); Sẹo bỏng da nền đỏ mặt sau trong vùng đùi trái diện tích 06% diện tích cơ thể (06%); Sẹo bỏng da nền đỏ mặt trước, mặt sau, mặt trong vùng cẳng chân trái diện tích 07% diện tích cơ thể (07%). Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Thị Kim A tại thời điểm giám định là 24% (hai mươi bốn phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương: Vết thương đã qua điều trị nhận định toàn bộ bỏng do nhiệt (xăng)".*

Tại bản Cáo trạng số: 09/CT-VKSTN ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã truy tố các bị cáo Phan Ngọc H (Quậy), Đặng Thành Tr, Nguyễn Văn Ngh, Cao Ngọc Đ về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố luận tội: Hành vi của của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích", do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc H (Quậy) phạm tội "Cố ý gây thương tích", với mức án từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Đặng Thành Tr phạm tội "Cố ý gây thương tích", với mức án từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ngh phạm tội "Cố ý gây thương tích", với mức án từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Cao Ngọc Đ phạm tội "Cố ý gây thương tích", với mức án từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thành Tr trình bày lời bào chữa: Đồng ý với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Đặng Thành Tr về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, 58, 91, 101 của Bộ luật hình sự, để tuyên phạt bị cáo Đặng Thành Tr mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát, vừa thể hiện tính để răn đe, giáo dục, vừa thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước, tạo cơ hội cho các bị cáo sữa chữa lỗi lầm của mình và trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Ngh trình bày lời bào chữa: Đồng ý với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Ngh về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Kính mong Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 (Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này) và áp dụng Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/09/2022 hướng dẫn điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo nhằm áp dụng mức hình phạt thấp nhất với bị cáo Nguyễn Văn Ngh. Đề nghị mức từ 18 tháng tù và cho hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Cao Ngọc Đ trình bày lời bào chữa: Đồng ý với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Cao Ngọc Đ về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự khi lượng hình cho bị cáo Đ được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về với gia đình, làm người công dân sống tích cực và trưởng thành hơn trong cuộc sống.

Lời nói sau cùng: Tại phiên tòa, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Ngày 07/10/2023 tại thôn L, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Các bị cáo Phan Ngọc H (Quậy), Đặng Thành Tr, Nguyễn Văn Ngh, Cao Ngọc Đ đã cố ý dùng 01 (Một) chai bom xăng tự chế là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho chị Trần Thị Kim A với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 24% (Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 249/TgT ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y tỉnh Ninh Thuận).

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, xét vai trò của các bị cáo được đánh giá như sau: Bị cáo Phan Ngọc H (Quậy) là người khởi xướng và rủ rê các đồng phạm khác thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Đặng Thành Tr là người thực hành tích cực, chuẩn bị bom xăng và trực tiếp ném bom xăng gây thương tích cho bị hại; các bị cáo Nguyễn Văn Ngh, Cao Ngọc Đ là người giúp sức cho đồng phạm rất tích cực.

Xét thấy hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và thể hiện tính côn đồ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo Phan Ngọc H (Quậy), Đặng Thành Tr, Nguyễn Văn Ngh, Cao Ngọc Đ về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường đủ và một phần thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Đặng Thành Trung được xác định là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Ngọc H (Quậy) xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội. Đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Đặng Thành Tr, Nguyễn Văn Ngh, Cao Ngọc Đ không có tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân:

Các bị cáo Phan Ngọc H (Quậy), Nguyễn Văn Ngh, Cao Ngọc Đ đều có nhân thân tốt.

Bị cáo Đặng Thành Tr có nhân thân xấu.

Qua xem xét hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian qua trên địa bàn huyện N, tỉnh Ninh Thuận thường xảy ra tình trạng các thanh niên tụ tập thành băng nhóm và dùng hung khí nguy hiểm để đánh nhau rất manh động. Nhằm mục đích tuyên truyền pháp luật và đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương

nên cần phải xử phạt thật nghiêm đối với loại tội phạm này. Vì vậy, cần phải cách ly các bị cáo Phan Ngọc H (Quậy), Đặng Thành Tr, Nguyễn Văn Ngh, Cao Ngọc Đ ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với quy định tại Điều 38, Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Trần Thị Kim A sau khi bị bỏng đã điều trị thương tích và các chi phí hợp lệ khác tổng cộng là 100.000.000 đồng, chị A yêu cầu các bị cáo Phan Ngọc H (Quậy), Đặng Thành Tr, Nguyễn Văn Ngh, Cao Ngọc Đ và Đỗ B phải liên đới bồi thường mỗi người là 20.000.000 đồng.

Hiện nay chị A đã nhận số tiền bồi thường là 45.000.000 đồng. Cụ thể: Chị Nguyễn Thị Thu H (Mẹ bị cáo Phan Ngọc H (Quậy)) bồi thường 20.000.000 đồng; anh Đặng Hữu T (Cha bị cáo Đặng Thành Tr) bồi thường 20.000.000 đồng; chị Lưu Thị Tám Mươi S (Mẹ của bị cáo Nguyễn Văn Ngh) bồi thường 5.000.000 đồng.

Số tiền điều trị thương tích và các chi phí khác còn lại 55.000.000 đồng chị Trần Thị Kim A yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn Ngh, Cao Ngọc Đ và Đỗ B liên đới tiếp tục bồi thường. Cụ thể: Bị cáo Ngh bồi thường 15.000.000 đồng; bị cáo Đ bồi thường 20.000.000 đồng; B bồi thường 20.000.000 đồng. Ngoài ra chị A không có yêu cầu gì khác.

Các bị cáo Ngh, Đ và B đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại chị A là phù hợp với quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên toà, cháu Đỗ B cho rằng hiện nay đang sống với cha, mẹ không có tài sản riêng để bồi thường. Chị Nguyễn Thị B (Mẹ cháu B) xác nhận con mình không có tài sản riêng để bồi thường nên đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại.

Hiện nay chị Lê Thị Đ (Mẹ bị cáo Cao Ngọc Đ) đã nộp thay cho bị cáo Đ số tiền 4.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N để bồi thường cho bị hại chị Trần Thị Kim A.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu bị cáo Phan Ngọc H (Quậy) trả lại số tiền 20.000.000 đồng đã bồi thường trước cho bị hại; chị Lưu Thị Tám Mươi S không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Ngh trả lại số tiền 5.000.000 đồng đã bồi thường trước cho bị hại; chị Lê Thị Đ không yêu cầu bị cáo Cao Ngọc Đ trả lại số tiền 4.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N để bồi thường cho bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (Một) roi điện không nhãn hiệu, màu đen, có kích thước (15,5 x 04 x 2,5)cm, đã qua sử dụng (đã niêm phong); 01 (Một) cây dao

dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 15cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 35cm, đã qua sử dụng (đã niêm phong) là phù hợp với quy định tại Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành trả lại cho anh Cao Văn O, trú tại thôn L, xã D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận 01 (Một) xe mô tô gắn biển kiểm soát 85E1-261.19; trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H, trú tại thôn L, xã A, huyện P, tỉnh Ninh Thuận 01 (Một) xe mô tô hiệu Winner X không có biển kiểm soát; trả lại cho chị Trần Thị Kim A 01 áo thun nữ, loại 02 dây, màu đen. Đây là tài sản không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra trả lại là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Cháu Đỗ B có hành vi cùng nhóm của bị cáo Phan Ngọc H (Quậy) gây thương tích cho bị hại chị Trần Thị Kim A. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội Đỗ B mới 15 tuổi 07 tháng 22 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Văn Ngh, Cao Ngọc Đ thuộc diện hộ nghèo và hộ cận nghèo (Có đơn xin miễn án phí) nên được miễn án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Phan Ngọc H (Quậy), Đặng Thành Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Phan Ngọc H (Quậy), Đặng Thành Tr đã tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền để bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa thì không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền chưa bồi thường thì chị Nguyễn Thị B (Mẹ cháu Đỗ B) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc H (Quậy) phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Phan Ngọc H (Quậy) 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/11/2023.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Thành Tr phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Đặng Thành Tr 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/11/2023.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ngh phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ngh 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/11/2023.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Cao Ngọc Đ phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Cao Ngọc Đ 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/11/2023.

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại chị Trần Thị Kim A, các bị cáo Nguyễn Văn Nghĩa, Cao Ngọc Đậm và chị Nguyễn Thị Bé.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Ngh, Cao Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị B liên đới bồi thường cho bị hại chị Trần Thị Kim A số tiền 55.000.000đ *(Năm mươi lăm triệu đồng)*. Chia phần:

Bị cáo Nguyễn Văn Ngh bồi thường 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)*.

Bị cáo Cao Ngọc Đ bồi thường 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*.

Chị Nguyễn Thị B bồi thường 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* do chị Lê Thị Đ nộp thay cho bị cáo Cao Ngọc Đ để bồi thường cho bị hại (Theo Biên lai thu tiền số 0001346 ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) roi điện không nhãn hiệu, màu đen, có kích thước (15,5 x 04 x 2,5)cm, đã qua sử dụng (đã niêm phong); 01 (Một) cây dao dài 50cm, cán dao bằng gỗ dài 15cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 35cm, đã qua sử dụng (đã niêm

phong). (Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phan Ngọc H (Quậy), Đặng Thành Tr mỗi người phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc chị Nguyễn Thị B phải chịu 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Văn Ngh, Cao Ngọc Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và bị đơn dân sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/4/2024). Bị đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Cơ quan điều tra CA huyện N;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CA huyện N;
- CC T.H.A dân sự huyện N;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Bị cáo, ĐD hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại, người có QLNVLQ; bị đơn DS;
- Lưu hồ sơ, tập bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Tiến